Số: 735/QĐ-UBND
Thời gian ký: 25/03/2022 08:43:35 +07:00

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVCTT (mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
A. Lĩnh vực Văn hóa								
I. Di sản văn hóa								
01	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/ NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x

02	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 và Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.	4	x	x
03	Xác nhận đủ điều kiện được cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	x	x
04	Cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				4	x	x

05	Cấp Giấy phép khai quật khẩn cấp	Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012. - Quyết định số 86/2008/ QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
06	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Các Nghị định của Chính phủ số: 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012; 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018.	4	x	x
07	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Trong thời hạn 100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ;	3	x	x
08	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo	Trong thời hạn 100 ngày, kể từ		Không		3	x	x

	tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk		- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
09	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	4	x	x
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
11	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	4	x	x
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
II. Điện ảnh								
15	Cấp Giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp Giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Đối với Phim thương mại: + Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí là 3.600.000 đồng; + Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút; độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện: Mức thu phí là 2.200.000 đồng. - Đối với Phim phi thương mại: + Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 -	- Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	3	x	x

				150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí là 2.400.000 đồng; + Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút; độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện: Mức thu phí là 1.600.000 đồng. Ghi chú: *Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.*				
16	Cấp Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	- Đối với Phim thương mại: + Phim truyện:	- Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006;	3	x	x

	phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)		công tỉnh Đắk Lắk	Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí là 3.600.000 đồng; + Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút; độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện: Mức thu phí là 2.200.000 đồng. - Đối với Phim phi thương mại: + Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí là 2.400.000 đồng; + Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút; độ dài từ 61 phút trở lên thu	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009; - Nghị định số 54/2010/ NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.			

				như phim truyện: Mức thu phí là 1.600.000 đồng. Ghi chú: *Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.*				
III. Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm								
17	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 113/2013/ NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
18	Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.	4	x	x
19	Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Các Nghị định của Chính phủ số: 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013; 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019.	4	x	x

	văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ							
20	Cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	- Trường hợp không phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch : Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch : Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	3	x	x
21	Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ .	3	x	x
22	Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ .	3	x	x
23	Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ .	3	x	x

	quyền của UBND cấp tỉnh)							
24	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	3	x	x
25	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày,	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	3	x	x

		kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ						
26	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	3	x	x

		vực chuyên môn của ngành văn hoá, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp; Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ						
27	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	3	x	x

		hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ						
28	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trường hợp không phải thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	4	x	x

IV. Nghệ thuật biểu diễn								
29	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật có độ dài dưới 50 phút): Mức thu phí là 1.500.000 đồng/ chương trình; có độ dài từ 51-100 phút: Mức thu phí là 2.000.000 đồng/ chương trình; có độ dài từ 101-150 phút: Mức thu phí là 3.000.000 đồng/ chương trình; có độ dài từ 151-200 phút: Mức thu phí là 3.500.000 đồng/ chương trình; có độ dài từ 201 phút trở lên: Mức thu phí là 5.000.000 đồng/chương trình.	- Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 288/2016/ TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	3	x	x
30	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	3	x	x

	Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)							
31	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	3	x	x
32	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	3	x	x
V. Văn hóa cơ sở								
33	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.	3	x	x
34	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ.	3	x	x
35	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Tại thành phố và thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 4.000.000 đồng/Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	3	x	x

				là 6.000.000 đồng/ Giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/ Giấy. - Tại khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng, mức thu phí là 2.000.000 đồng/ Giấy; + Từ 04 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/ Giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/ Giấy.				
36	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/ Giấy; - Tại khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/ Giấy.	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	4	x	x

37	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu là 2.000.000 đồng/phòng; nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/ Giấy phép/lần thẩm định - Tại khu vực khác: Mức thu là 1.000.000 đồng/ phòng; nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/ Giấy phép/lần thẩm định. - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh Karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/Giấy.	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	3	x	x

38	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/ Giấy.	- Nghị định số 54/2019/ NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính.	4	x	x
39	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
40	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.	4	x	x
41	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013	4	x	x

					của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.			
42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013; số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	4	x	X
43	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	4	x	x

VI. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa								
44	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 /7/2012; số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018;	3	x	x
45	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 /7/2012; số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016; số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018.	3	x	x
46	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác	- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 260/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	3	x	x

				phẩm/ lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng. 2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.				

47	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1. Đối với phim thương mại: - Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 - 150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí 3.600.000 đồng/ Giấy phép phổ biến/Văn bản phê duyệt; - Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: Mức thu phí 2.200.000 đồng/Giấy phép phổ biến/Văn bản phê duyệt; độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện phim thương mại. 2. Đối với phim phi thương mại: - Phim truyện: Độ dài đến 100 phút (1 tập phim); độ dài từ 101 -150 phút tính thành 1,5 tập; độ dài từ 151 -	- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 289/2016/ TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	3	x	x

				200 phút tính thành 02 tập: Mức thu phí 2.400.000 đồng/Giấy phép phổ biến/Văn bản phê duyệt; - Phim ngắn: Độ dài đến 60 phút: Mức thu phí là 1.600.000 đồng/Giấy phép phổ biến/Văn bản phê duyệt; độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện phi thương mại. *Ghi chú: Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.*				

48	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1. Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút); - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). 2. Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc:	- Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014; số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	3	x	x

				2.000.000 đồng/ chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/ chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/ chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/ chương trình.				

VII. Thư Viện								
49	Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
50	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Thư viện ngày 21/11/2019; - Nghị định số 93/2020/ NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
51	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam			Không		4	x	x

VIII. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ								
52	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Trưởng Bộ Công An; - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ Công an; - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	3	x	x
B. Gia đình								
53	Công nhận lại "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
54	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày	4	x	x

					16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.			
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	4	x	x
56	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	4	x	x
57	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	4	x	x

58	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	4	x	x
59	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	4	x	x
60	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định		Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/02/2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010.	3	x	x
61	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định		Không		3	x	x
62	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày	3	x	x

					16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.			
63	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/ NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	3	x	x
64	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	3	x	x
65	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21/11/2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010; số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014.	3	x	x

C. Lĩnh vực Thể dục thể thao								
66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
67	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

68	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận	Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
70	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Chưa quy định	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	4	x	x

71	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức	Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Chưa quy định	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	4	x	x
72	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Chưa quy định	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ	4	x	x

	doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf				sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
75	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	4	x	x

					- Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	4	x	x

					- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	4	x	x

					- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/ NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;	4	x	x

					- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ;	4	x	x

					- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;	4	x	x

					- Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;	4	x	x

					- Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;	4	x	x

					- Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;	4	x	x

					- Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Trong thời hạn 05 ngày ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TTBVHTTDL này	4	x	x

					17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.			
97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x
98	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao			3.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/ NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018	4	x	X

					của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉ.nh Đắk Lắk.			
D. Lĩnh vực Du lịch								
I. Lữ hành								
99	Công nhận điểm du lịch	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Chưa quy định	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
100	Cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.500.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019	3	x	x

					của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính			
101	Cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		750.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
102	Cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1.000.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	3	x	x

					- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính.			
103	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh		Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x

		nghiệp được rút tiền ký quỹ						
104	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
105	Thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x

106	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương.	4	x	x
107	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả kiểm tra		100.000 đồng/Thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
108	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến		Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
109	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- Trong thời hạn 7 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện			- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;	3	x	x

		phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên - 13 ngày làm việc trong trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên		1.500.000 đồng/Giấy phép	- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính			
110	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	750.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương;	3	x	x

	trụ sở của văn phòng đại diện				- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính			
111	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	750.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
112	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạtđộng không		750.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x

		phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trong 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện dẫn đến Văn phòng đại diện có nội dung hoạt động không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng			- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính			

		lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên						
113	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	750.000 đồng/Giấy phép	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
114	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		325.000 đồng/Thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x

115	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		325.000 đồng/Thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
116	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		325.000 đồng/Thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x
117	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	- Đối với Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa: Mức phí thu là 325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x

				- Đối với Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm: Mức phí thu là 100.000 đồng/thẻ	- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính			
118	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	4	x	x
II. Dịch vụ Du lịch khác								
119	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x
120	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x

121	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x
122	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x
123	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x
124	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- 1.500.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1 sao, 2 sao; - 2.000.000 đồng/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao.	- Luật Du lịch ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.	3	x	x